

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT
VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	11 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2014 của Công ty

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp. Mã số doanh nghiệp 3800100513, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08 tháng 7 năm 2013.

Vốn điều lệ : 120.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại – Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

❖ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 723 Quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Điện thoại : (84-651) 387 0296

Fax : (84-651) 387 0318

Mã số thuế : 3 8 0 0 1 0 0 5 1 3

❖ Chi nhánh Khách sạn Bombo - Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết & DVTH Bình Phước

Địa chỉ : Quốc lộ 14, Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.

Mã số : 3 8 0 0 1 0 0 5 1 3 – 0 0 1

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Ông Phan Ngọc Sự Chủ tịch Công ty - Là người đại diện theo pháp luật của công ty

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Văn Hưng

2038/
CƠ
RÁCH NI
KIẾ
IẢN
CHI
TẠI TP.
O-T.

Ban Giám đốc

- | | | |
|---|-------------------|--------------|
| 1 | Ông Phan Ngọc Sự | Giám đốc |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Thu | Phó Giám đốc |
| 3 | Ông Trần Huy Hải | Phó Giám đốc |

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 35.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Báo cáo Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2014 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Giám đốc – Phan Ngọc Sự

Bình Phước, ngày 26 tháng 3 năm 2015



Số: 60/2015/BCKT-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014
CỦA CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ
DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

KÍNH GỬI: **CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Vấn đề có ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê Tiền mặt của Công ty vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Do hạn chế bởi cách thức ghi chép, theo dõi, đối chiếu và kế toán của công ty nên chúng tôi chưa thể thu thập đầy đủ các bằng chứng kế toán cần thiết, cũng như áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, làm cơ sở cho việc trình bày ý kiến của Kiểm toán viên đối với chỉ tiêu này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu có liên quan của Báo cáo tài chính vì vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Công ty Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc - Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 1762-2014-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Kiểm toán viên – Đặng Quốc Việt

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 0626-2014-124-1

0102038482
ÔNG
TRÁCH NHIỆM
KIỂM T
N TÀI
CHI NH
TP. HỒ C
T.P.H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. Tài sản ngắn hạn		215.169.942.248	219.795.051.095
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	127.450.639.863	130.238.529.654
111	1 Tiền		109.665.974.447	94.093.355.659
112	2 Các khoản tương đương tiền		17.784.665.416	36.145.173.995
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	-	1.000.000.000
121	1 Đầu tư ngắn hạn		-	1.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		65.520.579.211	62.052.018.060
131	1 Phải thu khách hàng	V.3	60.386.702.897	46.602.119.714
132	2 Trả trước cho người bán	V.4	3.920.022.831	14.719.938.346
135	4 Các khoản phải thu khác	V.5	1.213.853.483	729.960.000
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	1.176.136.987	1.074.000.000
141	1 Hàng tồn kho		1.176.136.987	1.074.000.000
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.022.586.187	25.430.503.381
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	2.470.652.823	2.163.888.111
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ	V.8	4.560.909	-
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.9	15.161.700.415	22.902.396.092
158	5 Tài sản ngắn hạn khác	V.10	3.385.672.040	364.219.178
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		171.177.625.421	153.374.656.752
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		129.291.955.206	112.660.786.131
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.11	113.766.180.206	4.621.964.212
222	- Nguyên giá		121.133.491.802	7.102.882.163
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.367.311.596)	(2.480.917.951)
227	3 Tài sản cố định vô hình	V.12	15.525.775.000	15.315.300.000
228	- Nguyên giá		15.630.750.000	15.315.300.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.975.000)	-
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	-	92.723.521.919
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		41.228.150.342	40.429.077.938
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	V.14	28.800.000.000	28.800.000.000
258	3 Đầu tư dài hạn khác	V.15	12.500.000.000	12.500.000.000
259	4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	V.16	(71.849.658)	(870.922.062)
260	V. Tài sản dài hạn khác		657.519.873	284.792.683
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.17	657.519.873	284.792.683
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		386.347.567.669	373.169.707.847

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		132.219.874.344	142.795.239.772
310	I. Nợ ngắn hạn		93.484.816.844	92.217.267.272
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	V.18	61.418.992.000	60.112.606.000
312	2 Phải trả người bán	V.19	1.029.534.926	1.183.776.000
313	3 Người mua trả tiền trước	V.20	237.987.250	-
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.21	2.474.924.740	1.342.946.020
315	5 Phải trả người lao động	V.22	3.014.666.028	1.139.973.861
319	8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.23	1.557.519.750	1.625.251.188
321	10 Dự phòng rủi ro trả thường	V.24	26.168.091.600	26.168.091.600
323	11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.25	(2.416.899.450)	644.622.603
330	II. Nợ dài hạn		38.735.057.500	50.577.972.500
334	4 Vay và nợ dài hạn	V.26	38.735.057.500	50.577.972.500
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		254.127.693.325	230.374.468.075
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.27	254.127.693.325	230.374.468.075
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		120.000.000.000	110.000.000.000
417	5 Quỹ đầu tư phát triển		59.939.325.736	27.421.887.478
418	6 Quỹ dự phòng tài chính		-	20.957.728.727
420	8 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		74.188.367.589	71.994.851.870
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		386.347.567.669	373.169.707.847

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	4 Nợ khó đòi đã xử lý		1.754.259.259	1.752.216.046
	6 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		85.365.813.899	71.553.480.610
	8 Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		56.622.220.000	37.672.170.000

Bình Phước, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Nguyễn Xuân Cừ

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phan Ngọc Sự

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**NĂM 2014****ĐVT: VND**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1 Doanh thu	VI.28	925.890.716.914	697.476.163.729
1.1	- Doanh thu kinh doanh xổ số		918.379.836.365	697.012.963.636
1.2	- Doanh thu kinh doanh khác		7.510.880.549	463.200.093
2	2 Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.28	119.797.077.877	90.914.743.478
2.1	- Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		119.788.686.269	90.914.743.478
2.2	- Giảm trừ doanh thu khác		8.391.608	-
10	3 Doanh thu thuần	VI.28	806.093.639.037	606.561.420.251
10.1	- Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		798.591.150.096	606.098.220.158
10.2	- Doanh thu thuần kinh doanh khác		7.502.488.941	463.200.093
11	4 Chi phí kinh doanh	VI.29	658.498.612.460	470.200.651.807
11.1	- Chi phí kinh doanh xổ số		648.906.649.778	469.625.821.064
11.2	- Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán		9.591.962.682	574.830.743
20	5 Lợi nhuận gộp		147.595.026.577	136.360.768.444
20.1	- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số		149.684.500.318	136.472.399.094
20.2	- Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		(2.089.473.741)	(111.630.650)
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.30	1.983.379.609	3.945.454.767
22	7 Chi phí tài chính	VI.31	10.938.760.717	4.730.113.332
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		11.737.833.121	4.730.113.332
24	8 Chi phí bán hàng	VI.32	14.300.000	-
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.33	43.798.002.481	31.041.646.260
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		94.827.342.988	104.534.463.619
31	11 Thu nhập khác	VI.34	834.488.318	902.135.034
32	12 Chi phí khác	VI.35	31.200.000	44.100.000
40	13 Lợi nhuận khác		803.288.318	858.035.034
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.630.631.306	105.392.498.653
51	15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.36	21.571.417.149	26.348.124.663
52	16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		74.059.214.157	79.044.373.990

2038482-1
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN
KIỂM TOÁN
TÀI CHÍNH
CHỈ NHẤT
TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Đ. T. P. HỒ

Bình Phước, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Xuân Cừ

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phan Ngọc Sự

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

NĂM 2014

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		880.046.860.126	679.000.137.962
2	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		(33.246.457.676)	(49.245.812.540)
3	3 Tiền chi trả cho người lao động		(14.017.262.807)	(10.358.473.325)
4	4 Tiền chi trả lãi vay		(11.737.833.121)	(7.822.736.063)
5	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(63.070.686.869)	(62.028.127.924)
6	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		36.526.577.279	34.288.935.199
7	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(761.276.905.380)	(565.739.237.615)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		33.224.291.552	18.094.685.694
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.7	(27.459.031.952)	(41.767.569.952)
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(87.240.000.000)	(121.751.119.392)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		87.240.000.000	121.751.119.392
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.20	1.983.379.609	3.945.454.767
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.475.652.343)	(37.822.115.185)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		90.000.000.000	123.786.743.000
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(100.536.529.000)	(92.106.318.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.536.529.000)	31.680.425.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.787.889.791)	11.952.995.509
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	130.238.529.654	118.285.534.145
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	127.450.639.863	130.238.529.654

Bình Phước, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Xuân Cừ

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Phan Ngọc Sự

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2014 của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH MTV thuộc sở hữu nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại - Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc (chi tiết hoạt động xổ số);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (chi tiết xây dựng công trình đường bộ)
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Quảng cáo; In ấn;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
- Giá dục nghề nghiệp;
- Cung cấp các dịch vụ ăn uống theo hợp đồng thường xuyên với khách hàng;
- Trồng cao su.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- * Trong năm 2014, Công trình xây dựng khách sạn Bom Bo đã hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán. Công ty đã ghi tăng Tài sản cố định và trích khấu hao theo nguyên giá tạm tính. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, Công ty sẽ điều chỉnh lại nguyên giá Tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không điều chỉnh mức khấu hao tạm tính. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán tài sản cố định được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia (:) thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định theo quy định.



- * Từ tháng 11 năm 2014. Công ty đã triển khai loại hình kinh doanh vé số tự chọn nhằm đa dạng hóa hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số Kiến thiết. Những nội dung không hướng dẫn trong Thông tư nêu trên, Công ty thực hiện theo Luật kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Nguyên tắc ghi nhận của các chỉ tiêu Báo cáo tài chính

Các chỉ tiêu Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở Chế độ tài chính kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

3848;
CÔNG
H. NHIEI
KIỂM
N TÁ
CHI N
TP. HỒ
T. P. I

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

4. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên

4.1. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng giá trị quyết toán công trình chưa được phê duyệt thì Nguyên giá Tài sản cố định được ghi nhận



theo giá tạm tính và được điều chỉnh khi Giá trị quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 50
- Máy móc và thiết bị	3 – 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 -
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8
- Tài sản cố định khác	3 - 10

4.2. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định (TSCĐ) vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, doanh nghiệp có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. Thời gian tính khấu hao của TSCĐ vô hình tối đa là 20 năm, trường hợp vượt 20 năm thì phải có bằng chứng tin cậy và xác định được.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất (QSDĐ) lâu dài được xác định bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao.



Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách.
- Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

38482
ÔNG
ANH NIỆM
HIỆM TI
N TÂN
CHI NH
TP. HỒ CH
T.P.H

9. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng theo phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm trích lập, Công ty Xổ số Kiến thiết không bị lỗ.

Dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ được trích lập trong trường hợp: trong năm tài chính, tỷ lệ trả thưởng thực tế của Công ty Xổ số Kiến thiết nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính.

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Mức trích lập Dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số".

10. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo tỷ lệ 2% quỹ lương làm cơ sở đóng Bảo hiểm xã hội; trong đó 1% do Công ty đóng và được hạch toán vào chi phí kinh doanh, 1% còn lại do người lao động đóng. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận bao gồm vốn của Ngân sách Nhà nước và vốn bổ sung từ Quỹ Đầu tư Phát triển của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.



12. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Chủ sở hữu hàng năm bằng văn bản.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu xổ số***

Doanh thu hoạt động xổ số được ghi nhận theo biên bản phát hành và thu huỷ vé số được lập của Hội đồng giám sát xổ số Tỉnh. Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Riêng chi phí trả thưởng được ghi nhận theo khoản thực tế phát sinh.

❖ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.



❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- a. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- b. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	34.204.819.992	12.530.905.665
- Tiền gửi ngân hàng	75.461.154.455	81.562.449.994
- Các khoản tương đương tiền	17.784.665.416	36.145.173.995
Tổng cộng	127.450.639.863	130.238.529.654
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.000.000.000
Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.		

3. Phải thu khách hàng

- Bùi Văn Nghĩa	1.319.856.500	267.379.008
- Mai Hữu Ảnh	9.004.085.673	7.318.528.948
- Bùi Thị Xuân Kiều	954.791.919	628.697.359
- Nguyễn Văn Triệu	2.189.259.305	1.639.980.829
- Nguyễn Kế Đảo	2.519.714.767	1.875.199.188
- Trần Văn Sang	2.124.924.781	2.083.416.676
- Trần Công Hội	1.643.517.510	1.151.262.495
- Nguyễn Phú Thu	2.252.409.600	1.309.762.500
- Châu Văn Luân	1.176.982.607	1.176.982.607
- Nguyễn Công Thi	1.202.299.800	980.768.400
- Phan Văn Hai	1.355.761.340	1.178.980.500
- Tăng Lê Phúc Linh	1.728.830.283	1.616.007.660
- Nguyễn Đức Đầy	1.646.994.900	1.385.803.900
- Tô Thị Tú	1.441.302.841	1.263.109.251
- Nguyễn Thị Thùy Dương	701.541.900	825.241.308
- Các đối tượng khác	29.124.429.171	21.900.999.085
Cộng	60.386.702.897	46.602.119.714

4. Trả trước cho người bán

- Công ty TNHH SXTMDV Thời Đại Mới	0	3.740.275.000
- Công ty Lý Bảo Minh	0	2.483.559.000
- Công ty TNHH MTV Nhâm Nguyễn	0	852.563.000
- Công ty TNHH XD CN An Phú	0	470.285.000
- Công ty Cổ phần Đại dương xanh	0	413.847.500
- Công ty TNHH MTV Quang Long	94.870.000	361.207.000
- Công ty TNHH Tư vấn XD Đại Nguyên	26.147.658	353.171.353
- Công ty Cổ phần Nguyên Phát	242.494.500	242.494.500
- Công ty TNHH Song Long	2.100.228.973	2.100.228.973
- Công ty CP Điện máy TP. Hồ Chí Minh	461.600.200	961.600.200



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- Công ty TNHH MTV Hoàng Tùng	249.103.000	999.103.000
- Công ty TNHH Tri Thức Việt	125.982.000	125.982.000
- Công ty TNHH MTV TM DV Âm nhạc Bùi Dũng	238.855.000	238.855.000
- Nhà may Thụy Vũ	321.574.500	0
- Các đối tượng khác	59.167.000	1.376.766.820
Cộng	3.920.022.831	14.719.938.346
5. Các khoản phải thu khác		
- Phải thu tiền vé sai kỹ thuật	-	44.200.000
- Tạm ứng xây nhà tình nghĩa	300.000.000	120.000.000
- Công ty TNHH TV XD Đại Nguyên (tạm ứng xử lý điện)	40.000.000	40.000.000
- Công ty TNHH Song Long (tạm ứng xử lý thi công công trình)	500.000.000	300.000.000
- Tạm ứng thu phí tham quan du lịch nước ngoài	329.760.000	225.760.000
- Các khoản phải thu khác	44.093.483	-
Cộng	1.213.853.483	729.960.000
6. Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	101.660.485	-
- Công cụ, dụng cụ	67.131.121	-
- Chi phí SX, KD dở dang	654.830.000	805.500.000
- Hàng hoá	33.315.381	-
- Hàng gửi đi bán	319.200.000	268.500.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.176.136.987	1.074.000.000
7. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chủ yếu là chi phí quảng cáo, chi phí công cụ, dụng cụ, chi tiết:		
- Số đầu năm	2.163.888.111	2.014.624.828
- Phát sinh trong năm	4.389.145.329	4.455.091.781
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm	(4.082.380.617)	(4.305.828.498)
- Số cuối năm	2.470.652.823	2.163.888.111



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

8.	Thuế GTGT được khấu trừ	4.560.909	0
	Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ còn được khấu trừ.		
9.	Thuế và các khoản phải thu của nhà nước		
	Là số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước hoặc số thuế đã nộp được xét miễn giảm hoặc cho thoát thu nhưng chưa thực hiện		
-	Thuế Giá trị gia tăng	3.468.214.712	-
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	5.024.350.241
-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.766.382.565	17.762.564.439
-	Thuế Thu nhập cá nhân	190.619.723	-
-	Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	66.169.132	115.481.412
	Cộng	15.491.386.132	22.902.396.092
10.	Tài sản ngắn hạn khác		
-	Tài sản thiếu chờ xử lý	201.000	260.000
-	Tạm ứng	3.385.471.040	363.959.178
	Cộng	3.385.672.040	364.219.178
	Chi tiết tạm ứng của CB, CNV Công ty như sau:		
-	Trần Thị Hồng Hải	-	200.000.000
-	Huỳnh Công Minh	59.077.998	51.540.000
-	Nguyễn Minh Tài	65.000.000	60.000.000
-	Nguyễn Đăng Khoa	75.353.733	48.289.736
-	Đặng Thị Hoài	4.129.442	4.129.442
-	Võ Phương Linh	58.410.000	-
-	Lê Thị Tuyết Thanh	400.000.000	-
-	Trương Thị Mai	300.000.000	-
-	Nguyễn Thị Thanh Hương	400.000.000	-
-	Võ Thị Dậu	600.000.000	-
-	Văn Thanh Hùng	1.409.999.867	-
-	Lê Minh Kỳ	13.500.000	-
	Cộng	3.385.471.040	363.959.178



CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

11. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TS Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	5.151.855.800	-	1.369.153.654	581.872.709	-	7.102.882.163
Mua trong năm	-	900.341.500	479.410.909	433.534.090	6.426.472.500	8.239.758.999
Đầu tư XDCB hoàn thành (*)	62.717.196.832	35.064.502.087	-	2.163.565.782	5.845.585.939	105.790.850.640
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	67.869.052.632	35.964.843.587	1.848.564.563	3.178.972.581	12.272.058.439	121.133.491.802
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.618.657.370	-	680.841.991	181.418.590	-	2.480.917.951
Khấu hao trong năm	1.608.814.832	1.806.214.766	172.871.178	409.029.131	889.463.738	4.886.393.645
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	3.227.472.202	1.806.214.766	853.713.169	590.447.721	889.463.738	7.367.311.596
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.533.198.430	-	688.311.663	400.454.119	-	4.621.964.212
Tại ngày cuối năm	64.641.580.430	34.158.628.821	994.851.394	2.588.524.860	11.382.594.701	113.766.180.206

(*) Công trình xây dựng Khách sạn Bom Bo hoàn thành đưa vào sử dụng, Công ty đã ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định theo giá tạm tính và khấu hao Tài sản cố định (theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định)

12. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Phần mềm máy tính [b]	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm		14.475.500.000	839.800.000	15.315.300.000
Tăng trong năm		-	315.450.000	315.450.000
Giảm trong năm		-	-	-
Số cuối năm		14.475.500.000	1.155.250.000	15.630.750.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		-	-	-
Khấu hao trong năm		-	104.975.000	104.975.000
Giảm trong năm		-	-	-
Số cuối năm		-	104.975.000	104.975.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm		14.475.500.000	839.800.000	15.315.300.000
Tại ngày cuối năm		14.475.500.000	1.050.275.000	15.525.775.000

[a] Giá trị Quyền sử dụng đất lâu dài tại số: 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM (Trạm giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh)

[b] Phần mềm máy tính là phần mềm quản lý Khách sạn Bombo, phần mềm kế toán và phần mềm quản lý vé số tự chọn.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang **0** **92.723.521.919**

Là chi phí đầu tư xây dựng mới Khách sạn BOMBO tại Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước. Công trình khách sạn đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2014 (Tham chiếu thuyết minh số 11)

14. Đầu tư vào công ty liên kết **28.800.000.000** **28.800.000.000**

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần B.O.T đường QL14 Đồng Xoài – Chơn Thành, tỷ lệ góp vốn 24% trên tổng số vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Đường QL14 Đồng Xoài – Chơn Thành.

Khoản đầu tư này đã được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Phước để đảm bảo thanh toán nợ vay.



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

15. Đầu tư dài hạn khác	12.500.000.000	12.500.000.000
Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cơ sở hạ tầng Bình Phước, tỷ lệ góp vốn là 9,8% vốn Điều lệ của Công ty được đầu tư.		
16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(71.849.658)	(870.922.062)
Khoản dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn vào các Công ty con theo hướng dẫn tại thông tư Số: 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính. Chi tiết:		
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cơ sở hạ tầng Bình Phước	-	(870.922.062)
- Công ty Cổ phần B.O.T đường QL14 Đồng Xoài – Chơn Thành	(71.849.658)	-
Cộng	(71.849.658)	(870.922.062)

17. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
- Trang thiết bị thông tin	105.824.683	-	74.699.772	31.124.911
- Chi phí đào tạo nghiệp vụ Khách sạn	178.968.000	-	59.655.996	119.312.004
- Cải tạo nhà làm việc, hội trường	-	782.114.090	275.031.132	507.082.958
Cộng	284.792.683	782.114.090	409.386.900	657.519.873

18. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

- Vay ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	11.418.992.000	10.112.606.000
Cộng	61.418.992.000	60.112.606.000

18.1. Vay ngắn hạn

Tình hình vay ngắn hạn trong năm:

- Số đầu năm	50.000.000.000	25.440.000.000
- Vay trong năm	90.000.000.000	100.000.000.000
- Trả vay trong năm	(90.000.000.000)	(75.440.000.000)
- Số cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2014

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số **04/2014/853329/HĐTD** ngày 21 tháng 8 năm 2014

- Hạn mức vay : 50.000.000.000 VND
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến ngày 31/8/2015
- Thời hạn vay : Theo từng hợp đồng ngắn hạn cụ thể.
- Mục đích vay : Dự trữ trả thưởng
- Lãi suất : Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.
- Tài sản đảm bảo : Tài sản thế chấp là trụ sở làm việc của Công ty theo Hợp đồng 01/2004/HĐ/11/0084 ngày 29/12/2004.

Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác

Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng



18.2. Nợ dài hạn đến hạn trả

Khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2015 của các Hợp đồng vay dài hạn.

- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tỉnh Bình Phước	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Phước	6.418.992.000	5.112.606.000
Cộng	11.418.992.000	10.112.606.000

19. Phải trả người bán

- Công ty TNHH MTV XSKT -Xí nghiệp in Tài chính	351.120.000	1.183.776.000
- Công ty TNHH TM Kỹ thuật Phú An Hoàng	20.290.000	-
- Công ty TNHH XD Công nghiệp An Phú	67.471.402	-
- Công ty TNHH TM DV DL An Thái	505.311.008	-
- Công ty TNHH Công nghệ & Truyền thông Quốc tế Incomtech	31.545.300	-
- Công ty CP Tư vấn XD Quý Phát	3.627.216	-
- Công ty TNHH TM & DV in quảng cáo Minh Trí	50.170.000	-
Cộng	1.029.534.926	1.183.776.000

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

20. Người mua trả tiền trước

Khoản ứng trước tiền mua vé số tự chọn. Chi tiết:

- Trương Văn Phát	14.450.000	-
- Nguyễn Xuân Tùng	125.804.250	-
- Nguyễn Hùng	12.822.250	-
- Nguyễn Tài Diệu	23.897.750	-
- Nguyễn Thị Mộng Trinh	11.606.750	-
- Tống Mạnh Vũ	26.932.250	-
- Phạm Thị Bình	2.031.500	-
- Trần Văn Hải	3.115.250	-
- Trần Thị Quỳnh Hoa	3.646.500	-
- Phạm Khắc Truyền	1.117.750	-
- Phạm Văn Minh	12.563.000	-
Cộng	237.987.250	-

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế Giá trị gia tăng	-	376.043.656
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	554.748.688	0
- Thuế Thu nhập cá nhân	1.920.176.052	966.902.364
Cộng	2.474.924.740	1.342.946.020

Thuế giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế phải nộp : Khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế TNDN : 22%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt được tính theo thuế suất 15% trên giá vé phát hành.



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000 với Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước do Sở Địa chính tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất cho diện tích đất làm trụ sở Công ty tại số 723, quốc lộ 14, Khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, TX Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước:

Mục đích thuê : Làm trụ sở văn phòng Công ty

Diện tích đất thuê : 3.846,609 m².

Thời gian sử dụng : 50 năm từ ngày 09/04/1997.

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm.

- Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện để thuê đất làm Khách sạn Bombo tại phường Tân Bình, TX Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất là 2.094,20 m². Thời gian thuê đất là 50 năm đến ngày 27/10/2060.

Mục đích thuê : Xây dựng khu dịch vụ khách sạn

Diện tích đất thuê : 2.094,20 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm đến ngày 27/10/2060.

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm.

Thu tài chính

Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Các khoản thuế khác thu hộ

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thưởng chi cho đại lý.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2014

22. Phải trả người lao động **4.513.237.467** **1.139.973.861**

Tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản còn phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Tài sản thừa chờ giải quyết	509.646	1.459.646
- Kinh phí công đoàn	46.082.771	99.324.884
- Bảo hiểm xã hội	6.343.733	158.358
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	224.416.500
- Hoa hồng bổ sung còn phải trả cho các đại lý	1.486.000.200	1.254.443.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.583.400	45.448.200
Cộng	1.557.519.750	1.625.251.188

24. Dự phòng rủi ro trả thường **26.168.091.600** **26.168.091.600**

Mức trích lập Dự phòng rủi ro trả thường thực hiện theo Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số". Thông tư này thay thế cho Thông tư số 112/2007/TT-BTC ngày 19 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

- Quỹ khen thưởng	(374.441.170)	1.267.620.397
- Quỹ phúc lợi	(2.067.640.351)	(542.997.794)
- Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	25.182.071	(80.000.000)
Cộng	(2.416.899.450)	644.622.603

26. Vay và nợ dài hạn

Ngân hàng	Số đầu năm	Chuyển nợ vay đến hạn trả	Số cuối năm
26.1 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN – Chi nhánh Bình Phước	5.000.000.000	5.000.000.000	-
26.2 Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Bình Phước	45.577.972.500	6.842.915.000	38.735.057.500
Cộng	50.577.972.500	11.842.915.000	38.735.057.500

26.1. Khoản vay trung - dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Tỉnh Bình Phước theo hợp đồng vay số 03/2010/HĐ ngày 29 tháng 12 năm 2010 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Phước:

- Hạn mức vay: **20.000.000.000 Đồng**
- Mục đích vay: Góp vốn vào Công ty CP BOT Đường QL14 Đồng Xoài – Chơn Thành
- Thời hạn vay: 5 năm, kể từ ngày 29/12/2010 đến ngày 29/12/2015
- Lãi suất vay: 18%/năm (được áp dụng tới ngày 20/3/2011 và sau đó được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh)
- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất nợ trong hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có)
- Tài sản đảm bảo: thế chấp sổ cổ phần góp vốn vào Công ty CP Đường BOT QL 14 Đồng Xoài – Chơn Thành
- **Số dư nợ vay: 5.000.000.000 Đồng**
Trong đó:
 - Vay và nợ dài hạn: 0 Đồng
 - Nợ vay đến hạn trả: 5.000.000.000 Đồng

26.2. Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Bình Phước theo các Hợp đồng vay sau:

*** Hợp đồng vay số BIP.DN.02190211 ngày 23 tháng 3 năm 2011, Chi tiết:**

- Hạn mức vay **32.000.000.000 Đồng**
- Mục đích vay Thanh toán các chi phí liên quan đến dự án Khách sạn BOMBO
- Thời hạn vay 120 tháng
- Lãi suất vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ vay cụ thể
- Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
- Tài sản đảm bảo Công trình khách sạn BOMBO thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV XSKT và DVTH Bình Phước. Tổng giá trị tài sản thế chấp khoản: 45.210.000.000 Đồng. Chi tiết về tài sản thế chấp được quy định tại hợp đồng bảo đảm số: BIP.BĐDN.01190211 ngày 28/02/2011
- **Số dư nợ vay 23.300.561.000 Đồng**
Trong đó:
 - Vay và nợ dài hạn 19.648.205.000 Đồng
 - Nợ vay đến hạn trả 3.652.356.000 Đồng



CÔNG TY TNHH MTV XÓ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

*** Hợp đồng vay BIP.DN.01260612 ngày 04 tháng 7 năm 2012. Chi tiết:**

- Hạn mức vay : 12.000.000.000 Đồng
 - Mục đích vay : Thanh toán các chi phí liên quan đến dự án Khách sạn BOMBO
 - Thời hạn vay : 120 tháng
 - Lãi suất vay : được xác định theo từng khế ước nhận nợ vay cụ thể
 - Lãi suất nợ quá hạn : bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
 - Tài sản đảm bảo : Sổ tiết kiệm tại ACB của Công ty TNHH MTV XSKT và DVTH Bình Phước và các tài sản thế chấp khác được quy định tại hợp đồng bảo đảm số: BIP.BĐDN.01190211 ngày 28/02/2011
 - Số dư nợ vay : 8.425.919.000 Đồng
- Trong đó
- Vay và nợ dài hạn : 7.314.803.000 Đồng
 - Nợ vay đến hạn trả : 1.111.116.000 Đồng

*** Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số BIP.DN.01030613, ngày 10/6/2013.**

- Hạn mức vay : 26.000.000.000 Đồng
 - Mục đích vay : Thanh toán các chi phí liên quan đến dự án Khách sạn BOMBO
 - Thời hạn vay : 120 tháng kể từ ngày bên vay nhận khoản vay đầu tiên
 - Lãi suất vay : được xác định theo từng khế ước nhận nợ vay cụ thể
 - Lãi suất nợ quá hạn : bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
 - Tài sản đảm bảo : Theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai để vay vốn bổ sung số 634216 ngày 10/6/2013 là Công trình khách sạn BOMBO hình thành trong tương lai thuộc sở hữu của Công ty TNHH một thành viên XSKT và DVTH Bình Phước. Tổng giá trị tài sản thế chấp khoản: 57.271.000.000 đồng.
 - Số dư nợ vay : 13.427.569.500 Đồng
- Trong đó:
- Vay và nợ dài hạn : 11.772.049.500 Đồng
 - Nợ vay đến hạn trả : 1.655.520.000 Đồng



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

27. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
27.1	Vốn đầu tư của CSH	110.000.000.000	10.000.000.000	-	120.000.000.000
27.2	Quỹ đầu tư phát triển	27.421.887.478	42.517.438.258	10.000.000.000	59.939.325.736
27.3	Quỹ dự phòng tài chính	20.957.728.727	-	20.957.728.727	-
27.4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	71.994.851.870	72.890.328.435	71.865.698.438	73.019.481.867
	TỔNG CỘNG	230.374.468.075	125.407.766.693	102.823.427.165	252.958.807.603

27.1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2014, Công ty đã bổ sung tăng vốn Điều lệ thêm 10 tỷ đồng từ Quỹ Đầu tư phát triển.

27.2. Quỹ Đầu tư phát triển

Quỹ Đầu tư phát triển tăng trong năm do:

- Trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2013	21.559.709.531
- Bổ sung từ Quỹ Dự phòng tài chính chuyển sang	20.957.728.727
Cộng	42.517.438.258

Quỹ Đầu tư phát triển giảm trong năm do chuyển sang tăng vốn điều lệ.

27.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận chưa PP năm trước	71.994.851.870
- Phân phối lợi nhuận năm trước	(71.865.698.438)
* Trích Quỹ khen thưởng	(1.114.515.442)
* Trích Quỹ phúc lợi	(1.114.515.443)
* Trích Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	(251.820.711)
* Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(21.559.709.531)
* Lợi nhuận còn lại Nộp Ngân sách Nhà nước	(47.825.137.311)
Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay	129.153.432
Lợi nhuận sau thuế năm nay	72.890.328.435
Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	73.019.481.867



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2014

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng doanh thu	925.890.716.914	697.476.163.729
- Doanh thu xổ số	918.379.836.365	697.012.963.636
- Doanh thu khác	7.510.880.549	463.200.093
Các khoản giảm trừ doanh thu	(119.797.077.877)	(90.914.743.478)
• Thuế tiêu thụ đặc biệt	(119.797.077.877)	(90.914.743.478)
Doanh thu thuần	806.093.639.037	606.561.420.251
Trong đó:		
- Doanh thu xổ số	798.591.150.096	606.098.220.158
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.502.488.941	463.200.093
29. Chi phí kinh doanh		
- Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	480.137.900.000	338.737.600.000
- Chi phí cho các đại lý	151.931.581.370	114.982.002.550
- Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	1.644.349.318	1.123.190.182
- Chi phí về vé xổ số	13.972.570.000	13.771.226.769
- Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	1.200.249.090	633.636.363
- Chi phí đóng góp cho HĐ XSKT khu vực	20.000.000	20.000.000
- Chi phí trực tiếp phát hành khác	0	358.165.200
- Giá vốn kinh doanh khách sạn và dịch vụ khác	9.591.962.682	574.830.743
Cộng	658.498.612.460	470.200.651.807
30. Doanh thu hoạt động tài chính	1.983.379.609	3.945.454.767

Khoản lãi tiền gửi ngân hàng trong năm.

Năm 2014

0

36. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94.132.059.867	105.392.498.653
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	2.421.264.826	-
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	96.553.324.693	105.392.498.653
- Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.241.731.432	26.348.124.663
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	21.241.731.432	26.348.124.663

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản cam kết và các hợp đồng dài hạn

❖ Hợp đồng thuê đất số 04 HĐ/TĐ ngày 25/01/2000 giữa Công ty và Sở Địa chính Bình Phước:

- Diện tích đất thuê: 3.846,609 m²
- Địa chỉ: Đường Quốc lộ 14 Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
- Thời hạn thuê: 50 năm từ ngày 09/4/1997 đến ngày 09/4/2047
- Đơn giá đất thuê:

Vị trí 1: 2.587,5 m² đơn giá 5.000.000 đ/m2/năm

Vị trí 2: 1.259,109 m² đơn giá 1.200.000 đ/m2/năm

Giá thuê đất ổn định tối thiểu là 5 năm, mỗi lần điều chỉnh không được vượt quá 15% theo giá trị hợp đồng thuê đất và chỉ điều chỉnh cho thời gian các kỳ thanh toán còn lại.

Công ty không được chuyển giao khu đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác dưới bất cứ hình thức nào nếu chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

2-6
S T
M H U
T O Á
M
H A N
C H I
H O

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- ❖ Theo Hợp đồng thuê đất số 108/HĐTD ngày 01/11/2010 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Phước. Chi tiết như sau:

Diện tích đất thuê: 2.094,2 m² tại Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước để xây dựng Khu dịch vụ khách sạn.

Thời hạn thuê: 50 năm từ ngày 27/10/2010 đến ngày 27/10/2060

Giá tiền thuê đất: Do Sở Tài chính xác định, tiền thuê đất được tính từ ngày 27/10/2010.

Phương thức nộp tiền thuê đất: Mỗi năm nộp 02 kỳ, kỳ thứ nhất trước ngày 01 tháng 4, kỳ thứ hai trước ngày 01 tháng 10 hàng năm.

2. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2014

Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện các văn bản luật có hiệu lực trong năm 2014 sau đây:

- ❖ Thông tư số **78/2014/TT-BTC** ngày 18 tháng 6 năm 2014: "Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 08 năm 2014 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 trở đi.
- ❖ Thông tư số **119/2014/TT-BTC** ngày 28 tháng 8 năm 2014: "Sửa đổi, bổ sung một số điều để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế". Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014.

3. Thông tin khác

- ❖ Thông tư số **200/2014/TT-BTC** ngày 22 tháng 12 năm 2014: "hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký (ngày 05/02/2015) và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Bình Phước, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cử

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Thủy



Phan Ngọc Sự